TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11- 4 - 2019
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạch Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Như Thoa

Bà Tô Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà NguyễnThanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST - HNGĐ ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị P. Nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Tài B. Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/11/2018, nộp tại Tòa án ngày 04/12/2018, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị P và anh Lưu Tài B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 27/6/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm và có với nhau một người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng

dần dần không còn tình cảm với nhau, do anh B thường đi chơi thâu đêm không lo làm ăn, thậm trí còn trộm cả tiền của chị P được họ hàng cho khi đến thăm chị P sinh con, hơn nữa anh B còn sử dụng ma túy trước mặt chị P, chị P khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không nghe và đến tháng 4 năm 2016 chị P đã đưa con về ngoại sinh sống từ đó đến nay. Ngày 30/5/2017 anh B bị bắt và bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, cho đến khi ra tù là ngày 30/6/2018, vợ chồng cũng không chung sống cùng nhau, chị P cũng muốn cho anh B cơ hội sửa sai nhưng anh B vẫn không chịu sửa chữa mà tiếp tục đem xe môtô của chị P đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Tài B.

Về con chung: Chị Nông Thị P và anh Lưu Tài B có một người con chung tên Lưu Gia B1, sinh ngày 23/7/2014. Hiện nay con đang ở cùng bố, khi ly hôn chị P có nguyện vọng muốn được nuôi con, tuy nhiên chị không có nhà ở, không có thời gian chăm sóc con vì phải đi làm công ty. Do không đủ điều kiện để nuôi con nên chị P muốn con ở cùng bố, hơn nữa anh B cũng muốn nuôi con, hàng tháng chị P đóng góp để anh B nuôi con mức 2.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Lưu Tài B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn như chị P trình bày là đúng, về tình cảm anh B cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến việc chị P làm đơn xin ly hôn là do trong thời gian anh B đi tù (Từ ngày 30/5/2017 đến 30/6/2018) ở nhà chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khi ra tù anh B phát hiện nên đã đánh chị P, từ khi bị đánh chị P bỏ về nhà ngoại sinh sống cho đến nay. Anh B thừa nhận bản thân trước đây chơi bời không chịu làm ăn dẫn đến phải vào tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng khi ra tù về anh đã tu trí làm ăn, nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn thương yêu chị P.

Về con chung: Có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh của con như chị P trình bày là đúng. Trong trường hợp Tòa giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, cho chị P được ly hôn thì anh B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng anh B cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Anh B thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung như chị P trình bày là đúng.

Về nợ chung: Anh B thừa nhận vợ không có tài sản cho ai vay mượn và không có vay nợ ai như chị P trình bày là đúng.

Tại phiên hòa giải ngày 04/3/2019 hai bên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại các Điều 70,71,72. Đối với bị đơn cơ bản đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên ngày 27/02/2019 bị đơn không đến Tòa án theo thông báo của Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án và không có mặt tại phiên tòa lần 1 ngày 29/3/2019 không có lý do, dẫn đến phải hoãn phiên tòa.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật và giải quyết như sau:

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị P: Chị Nông Thị P được ly hôn anh Lưu Tài B

Về con chung:

Giao con chung chưa thành niên tên Lưu Gia Bảo, sinh ngày 23/7/2014 cho anh Lưu Tài B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nông Thị P có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị P và anh Lưu Tài B kết hôn có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 27/6/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh B là hôn

nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của hai bên tại phiên Tòa hôm nay cho thấy giữa hai anh chị không có sự thương yêu và tin tưởng nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Tại phiên tòa anh B thừa nhận sau khi ra tù về thời gian sau ngày 30/5/2017 anh B được đánh đập chị P và còn được tự ý đem xe môtô của chị P đi cầm cố lấy tiền tiêu cá nhân. Anh B muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh B không đưa ra được giải pháp nào để chị P quay về sinh sống cùng anh trong suốt thời gian sống ly thân cho đến nay. Do vậy có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, hai bên đã sống ly thân thời gian dài, nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng nhận định hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nông Thị P được ly hôn anh Lưu Tài B (Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình)

[3] Về con chung: Chị Nông Thị P và anh Lưu Tài B có một người con chung tên Lưu Gia B1, sinh ngày 23/7/2014, hiện nay đang ở cùng bố. Trong đơn khởi kiện chị P có nguyện vọng muốn được nuôi con khi ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa chị P nhường quyền nuôi con cho anh B vì điều kiện hiện nay chị không có nhà riêng để ở và công việc hiện nay của chị không có thời gian chăm sóc con. Anh B có nguyện vọng muốn được nuôi con khi ly hôn, hơn nữa trong thời gian qua anh B vẫn chăm sóc con tốt về mọi mặt. Do vậy Hội đồng xét xử cần tuyên giao cháu Lưu Gia B1 cho anh Lưu Tài B tiếp tục nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử 11/4/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.Việc cấp dưỡng nuôi con chị P đưa ra anh Lưu Tài B cũng đồng ý. Vì quyền lợi của cháu Lưu Gia Bảo, Hội đồng xét xử quyết định chị Nông Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 11/4/2019, cho đến khi cháu Lưu Gia B1 đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị P có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở. (Căn cứ khoản 2 Điều 81; Điều 83; khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình)

[4] Về tài sản chung: Chị Nông Thị P và anh Lưu Tài B không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nông Thị P và anh Lưu Tài B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nông Thị P yêu cầu được ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; đồng thời chị Nông Thị P là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị P đã nộp số

tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05204 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, số tiền này sẽ được đối trừ vào tiền án phí chị P phải nộp. Số tiền án phí vụ án chị P còn phải thi hành là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83; khoản 1 Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị P, cho chị Nông Thị P được ly hôn với anh Lưu Tài B.

2. Về con chung:

Giao cháu Lưu Gia B1, sinh ngày 23/7/2014 cho anh Lưu Tài B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 11/4/2019, cho đến khi cháu Lưu Gia B1 đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị P có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lưu Tài B, bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là chị Nông Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nếu chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị Nông Thị P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí**:** Chị Nông Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).Tổng cộng chị Nông Thị P phải chịu án phí sơ thẩm là 600.000 đồng (Sáu

trăm nghìn đồng). Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng chị P đã nộp theo biên lai thu số: AA/2012/05204 và biên lai ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Chị P còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Ánh Tuyết